TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 689/2023/HSPT
Ngày: 13/9/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Nam;
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân.
Bà Nguyễn Phương Hạnh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đức Thắng, Kiểm sát viên cao cấp.

Trong các ngày 12 và ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 611/2023/TLPT-HS ngày 07 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Cao C phạm tội "Trốn thuế", do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2022/HSST ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

Họ và tên: Nguyễn Cao C, sinh ngày: 10/5/ 1979; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Chỗ ở: Thôn C3, xã C2, huyện C1, tỉnh H; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Con ông: Nguyễn Văn Ới (đã chết); Con bà: Lâm Thị Tuyết (đã chết); Vợ: Thiều Bình Nguyên, sinh năm 1994; Con: 05 con; Trú tại thôn C3, xã C2, huyện C1, tỉnh H; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

**** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Cao C:***

- Ông Phạm Quốc V, Luật sư Văn phòng luật sư V1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai; có mặt.

- Ông Bùi Phan Anh, Phạm Thị Ngọc, Nguyễn Thị Ngát, Nguyễn Chí Hiếu - Công ty luật TNHH Sen Vàng thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; đều vắng mặt.

Người tham gia tố tụng khác: Đại diện Cục thuế tỉnh H: Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Xuân Huấn - Phó Trưởng phòng hộ kinh doanh, cá nhân và thu khác, Cục thuế H, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH S (viết tắt là Công ty S), địa chỉ tại thôn C3, xã C2, huyện C1, tỉnh H được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3002074475 ngày 01/5/2017 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh H cấp với vốn điều lệ 1.000.000.000 đồng. Ngành nghề kinh doanh: Đa lĩnh vực, trong đó chủ yếu là vận tải đường bộ do Nguyễn Cao C làm Giám đốc trực tiếp điều hành, chỉ đạo, ký các hợp đồng, đối chiếu nghiệm thu thanh toán, quyết toán và quyết định các nội dung chi tiêu tài chính của công ty, N làm kế toán trưởng, được đăng ký chữ ký kế toán để giao dịch rút tiền và chuyển tiền qua tài khoản Ngân hàng nhưng N chỉ giúp C theo dõi hoạt động tại các công trình, không làm các hồ sơ kê khai thuế. Đến giữa năm 2018, N đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản nên ngày 02/8/2019, Nguyễn Cao C ban hành quyết định miễn nhiệm N thôi giữ chức vụ Kế toán trưởng công ty. Ngày 05/8/2019, Công ty TNHH S có văn bản gửi Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam về việc ủy quyền L (vợ Nguyễn Cao C - hiện đã ly hôn) là người đại diện công ty thực hiện giao dịch tại Ngân hàng. Từ quý 3/2017 đến hết quý 4/2020, Nguyễn Cao C nhờ X thực hiện lập hồ sơ kê khai thuế của Công ty S trên cơ sở số liệu về doanh thu do Nguyễn Cao C cung cấp.

Trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty S, Nguyễn Cao C đã có một số hành vi vi phạm nhằm mục đích trốn thuế, cụ thể như sau:

1.1. Hành vi xuất hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT), nhưng không đưa vào kê khai nộp thuế (không ghi chép trong sổ sách kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp):

Ngày 06/6/2017, Công ty S đã mua tại Chi cục thuế huyện C1, tỉnh H một cuốn hóa đơn gồm 50 số, từ số 0023351 đến số 0023400. Sau khi mua cuốn hóa đơn nói trên, Công ty S đã kê khai phát hành 16 số hóa đơn, trong đó có 05 số hóa đơn bị sai không sử dụng (bao gồm các số hóa đơn: 0023352; 0023353; 0023356; 0023359; 0023362), còn 11 số hóa đơn đã xuất cho 06 doanh nghiệp khác nhau nhưng chỉ có 01 số hóa đơn (hóa đơn số: 0023351 ngày 10/6/2017 xuất cho Công ty TNHH P) được đưa vào báo cáo kê khai thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) vào quý II/2017; còn lại 10 hóa đơn GTGT (tổng giá trị tiền hàng ghi trong hóa đơn là: 2.897.483.972 đồng, tiền thuế GTGT: 289.748.397 đồng Nguyễn Cao C không đưa vào kê khai, báo cáo tình hình nộp thuế của công ty, cụ thể như sau:

- Hóa đơn GTGT xuất cho công ty TNHH P, mã số thuế: 30003500401, địa chỉ: Thôn H2, xã H1, thành phố H, tỉnh H:

Ngày 02/5/2017, Công ty TNHH P đã ký Hợp đồng kinh tế số 39/HĐKT với

Công ty S mua đất đắp công trình củng cố, nâng cấp đê H3, huyện C1, tỉnh H, thuộc gói thầu số 05.XL. Sau khi kết thúc hợp đồng, Công ty TNHH P đã thực hiện chuyển khoản thanh toán cho Công ty S 06 lần với tổng số tiền 1.295.580.000 đồng. Công ty S đã xuất 02 hóa đơn cho Công ty TNHH P gồm: Hóa đơn số 0023351 đề ngày 10/6/2017, hàng hóa đất đắp công trình, khối lượng: 22.283 m^3, giá trị tiền hàng: 1.114.150.000 đồng, tiền thuế GTGT: 111.415.000 đồng, tổng tiền ghi trên hóa đơn là: 1.225.565.000 đồng; hóa đơn số 0023355, đề ngày 15/8/2017 hàng hóa đất đắp công trình, khối lượng 1.273m^3, giá trị tiền hàng: 63.650.000 đồng, tiền thuế: 6.365.000 đồng, tổng tiền ghi trên hóa đơn là: 70.015.000 đồng. Cả hai hóa đơn trên Công ty TNHH P đã đưa vào báo cáo kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào năm 2017, trong đó hóa đơn số 0023351 Công ty S đã đưa vào kê khai doanh thu Quý II/2017, thuế GTGT đầu ra: 111.415.000 đồng; còn hóa đơn số 0023355 Công ty S không đưa vào kê khai, báo cáo tình hình nộp thuế của công ty.

- Hóa đơn GTGT xuất cho công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Hùng C, địa chỉ Phường G1, thị xã C1, tỉnh H:

Từ ngày 20/6/2017 đến ngày 27/7/2017, Công ty S ký ba Hợp đồng kinh tế với Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Hùng C (viết tắt là Công ty Hùng C). Theo đó, Công ty S đồng ý cung cấp các loại hàng hóa (đất, đá, cát) cho Công ty Hùng C để phục vụ thi công các công trình trên địa bàn huyện C1, tỉnh H. Sau khi thực hiện xong khối lượng hàng hóa cung cấp theo hợp đồng, Công ty S đã xuất 04 hóa đơn cho công ty Hùng C, cụ thể: Hóa đơn GTGT số 0023354 đề ngày 31/7/2017 với số tiền ghi trên hóa đơn là 555.210.860 đồng; hóa đơn GTGT số 0023358 đề ngày 05/10/2017 với số tiền ghi trên hóa đơn là 549.011.709 đồng; hóa đơn GTGT số 0023361 đề ngày 28/11/2017 với số tiền ghi trên hóa đơn là 124.848.000 đồng; hóa đơn GTGT số 0023363 đề ngày 16/12/2017 với số tiền ghi trên hóa đơn là 111.001.500 đồng. Tổng số tiền ghi trên 04 hóa đơn là 1.340.072.069 đồng. Công ty Hùng C đã thanh toán toàn bộ số tiền đối với 04 hóa đơn nói trên bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản số 02000673969 của Công ty S mở tại Ngân hàng Vietcombank, chi nhánh H. Đồng thời, đã đưa vào báo cáo kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào năm 2017 nhưng Công ty S không đưa vào kê khai, báo cáo tình hình nộp thuế của công ty đối với 04 hóa đơn GTGT nói trên.

- Hóa đơn GTGT xuất cho Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại G, địa chỉ Phường G1, thị xã C1, tỉnh H:

Ngày 02/6/2017, Công ty S ký Hợp đồng kinh tế số 03/HĐKT với Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại G (viết tắt là Công ty G) về việc thi công hoàn chỉnh phần nền đường, công trình: Hạ tầng khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng thi công dự án đường trục chính và trung tâm đô thị mới xã G2, huyện C1, tỉnh H. Sau khi thực hiện xong hợp đồng, hai công ty đã thực hiện nghiệm thu thanh toán. Quá trình nghiệm thu thanh toán xác định khối lượng thi công công trình mà Công ty S đã thực hiện trị giá: 875.200.000 đồng, Công ty G đã chuyển khoản thanh toán

cho Công ty S số tiền 850.000.000 đồng.

Công ty S đã xuất hóa đơn số 0023357 đề ngày 16/8/2017 cho Công ty G với tổng giá trị tiền ghi trên hóa đơn là 875.200.000 đồng. Công ty G đã đưa vào báo cáo kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào năm 2017. Tuy nhiên, Công ty S không đưa vào kê khai, báo cáo tình hình nộp thuế đối với hóa đơn này.

- Hóa đơn GTGT xuất cho Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Q, địa chỉ tại Phường Q1, thành phố H, tỉnh H:

Ngày 09/11/2017, Công ty S ký Hợp đồng kinh tế số 02/HĐKT với Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Q (viết tắt là Công ty Q) để cung cấp cát thi công công trình. Sau khi thực hiện xong hợp đồng, hai công ty đã tiến hành đối chiếu, nghiệm thu thanh toán với tổng số tiền 185.800.000 đồng.

Công ty S đã xuất hai hóa đơn GTGT cho Công ty Q gồm: Hóa đơn số 0023364 đề ngày 16/12/2017, giá trị tiền ghi trên hóa đơn là: 100.000.000 đồng và hóa đơn số 0023365 đề ngày 20/12/2017, giá trị tiền ghi trên hóa đơn là: 85.800.000 đồng. Công ty Q đã thực hiện việc chuyển khoản thanh toán đầy đủ số tiền nói trên cho Công ty S. Đối với 02 hóa đơn này, Công ty Q đã đưa vào kê khai, khấu trừ thuế của công ty vào quý 4/2017. Tuy nhiên, Công ty S không đưa vào kê khai, báo cáo tình hình nộp thuế.

- Hóa đơn GTGT xuất cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Z, địa chỉ tại thôn Z1, xã Z2, huyện cẩm Xuyên, tỉnh H:

Ngày 01/7/2017, Công ty S ký hợp đồng kinh tế số 16/HĐKT/CMS-ĐT với Công ty Z về việc vận chuyển đất biên hòa từ mỏ đất của Công ty Z đến chân công trình theo yêu cầu của Công ty Z. Sau khi thực hiện xong hợp đồng, hai công ty đã đối chiếu khối lượng hoàn thành, với tổng giá trị tiền cước vận chuyển là 674.805.300 đồng. Công ty S đã xuất hóa đơn số 0023360, đề ngày 18/10/2017, với giá trị tiền hàng: 613.459.364 đồng, tiền thuế GTGT 61.345.936 đồng, tổng giá trị tiền ghi trên hóa đơn là: 674.805.300 đồng, phía Công ty Z đã chuyển thanh toán đủ số tiền nói trên cho Công ty S.

Hóa đơn số 0023360, Công ty Z đã đưa vào kê khai, báo cáo khấu trừ thuế của công ty năm 2017. Tuy nhiên, Công ty S không đưa vào kê khai, báo cáo tình hình nộp thuế đối với hóa đơn này.

- Hóa đơn GTGT đã xuất cho Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ V, địa chỉ: xã V1, huyện V2, tỉnh H:

Ngày 01/12/2017, Công ty S ký Hợp đồng kinh tế số 16/HĐKT/CMS-AK với Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ V (Công ty V) về việc mua bán vật liệu xây dựng để phục vụ thi công sửa chữa công trình "Kênh N1 Sông Rác" vào năm 2017. Trên cơ sở khối lượng nghiệm thu, bàn giao, Công ty S đã xuất hóa đơn số 0023366, đề ngày 31/12/2017 với giá trị tiền hàng: 37.581.818 đồng, tiền thuế GTGT 3.758.182 đồng, tổng giá trị tiền ghi trên hóa đơn là: 41.340.000 đồng. Đối

với hóa đơn số 0023366, Công ty V đã đưa vào kê khai, báo cáo khấu trừ thuế của công ty vào quý I/2018. Tuy nhiên, Công ty S không đưa vào kê khai, báo cáo tình hình nộp thuế đối với hóa đơn này.

1.2. Hành vi không xuất hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) khi bán hàng hóa:

Ngoài 10 Hóa đơn GTGT đã xuất cho 06 công ty theo các hợp đồng đã thực hiện nêu trên, Nguyễn Cao C còn đại diện Công ty S ký kết, thực hiện hợp đồng kinh tế với 03 cơ quan, doanh nghiệp khác, có phát sinh doanh thu tổng số tiền 4.148.434.000 đồng nhưng không xuất hóa đơn GTGT và không đưa vào kê khai thuế, báo cáo tài chính của công ty, cụ thể:

- *UBND xã B, huyện C1, tỉnh H:*

Ngày 08/6/2018, liên danh Công ty S và Công ty cổ phần xây lắp và thương mại G (Công ty S là thành viên đứng đầu liên danh) đã ký hợp đồng số 26/2018/HĐXD với UBND xã B, huyện C1, tỉnh H thi công công trình hạ tầng khu dân cư vùng Cồn Nậy, thôn Hưng Phú, xã B, huyện C1, tỉnh H với giá trị ghi trên hợp đồng là: 1.971.004.000 đồng. Theo các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng, Công ty S đã thực hiện thi công các hạng mục và hoàn thành khối lượng thi công công trình theo thiết kế. Đến ngày 20/9/2018, đại diện UBND xã B, đại diện Công ty S và đại diện đơn vị tư vấn giám sát đã tiến hành lập biên bản nghiệm thu hoàn J2 trình xây dựng để bàn giao đưa vào sử dụng, kèm theo đó là bản phụ lục khối lượng hoàn thành theo hợp đồng với tổng trị giá công trình là: 1.971.004.000 đồng. Từ ngày 01/02/2019 đến ngày 28/01/2021, UBND xã B, huyện C1, tỉnh H đã 05 lần chuyển tổng số tiền 1.350.000.000 đồng vào tài khoản số 0201000673969 của Công ty TNHH S để cho tạm ứng theo giai đoạn. Tuy nhiên, Công ty S không xuất hóa đơn GTGT cho UBND xã B và cũng không đưa vào kê khai, báo cáo tình hình nộp thuế của công ty.

- *Công ty TNHH MTV chế biến chất thải công nghiệp H, địa chỉ tại xã B2, thị xã C1, tỉnh H.*

Năm 2019, Công ty S ký với Công ty TNHH MTV chế biến chất thải Công nghiệp H (gọi tắt là Công ty chế biến chất thải Công nghiệp H) ba hợp đồng kinh tế và một phụ lục hợp đồng gồm: Hợp đồng kinh tế số 01/2019/HĐTC/CMS-CN ngày 04/8/2019 về việc thi công san lấp mặt bằng, bổ sung phụ lục hợp đồng số 01/2019/PLHĐ/CMS-CN ký ngày 30/8/2019; Hợp đồng kinh tế số 19/2019/HĐTC/CMS-CN ký ngày 01/9/2019 và Hợp đồng kinh tế số 23/2019/HĐTC/CMS-CN ký ngày 01/12/2019.

Sau khi thực hiện xong các nội dung và khối lượng công việc theo các hợp đồng đã ký kết, Công ty S và Công ty chế biến chất thải công nghiệp H đã thực hiện đối chiếu, nghiệm thu thanh toán với giá trị hoàn thành là 1.953.555.000 đồng. Từ ngày 19/8/2019 đến ngày 08/02/2021, Công ty chế biến chất thải công nghiệp H đã 04 lần chuyển tổng số tiền 1.400.000.000 đồng thanh toán theo giai đoạn cho Công

ty S. Tuy nhiên, Công ty S chưa xuất hóa đơn GTGT cho Công ty chế biến chất thải công nghiệp H và cũng không đưa vào kê khai, báo cáo tình hình nộp thuế và báo cáo tài chính của công ty (ngày 16/9/2021 và 27/10/2021, Công ty chế biến chất thải công nghiệp H đã thanh toán số tiền 553.555.000 đồng còn lại cho Công ty S - thời điểm sau khi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh H khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo đối với Nguyễn Cao C).

- Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ thương mại 559, địa chỉ tại phường Q1, thành phố H, tỉnh H:

Ngày 01/7/2017, Công ty S ký Hợp đồng kinh tế số 39/HĐKT/CMS-559 với Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ thương mại 559 (viết tắt là Công ty 559) để thực hiện cung cấp, vận chuyển vật liệu xây dựng phục vụ thi công công trình nhà hiệu bộ, nhà chức năng trường tiểu học K31 xã C2, huyện C1, H. Quá trình thực hiện, theo biên bản thanh lý hợp đồng và bảng kê đối chiếu công nợ, Công ty S đã cung cấp khối lượng hàng hoá có giá trị 223.875.000 đồng. Ngày 8/02/2018 và ngày 18/5/2018, Công ty 559 đã chuyển thanh toán vào tài khoản cho Công ty S tổng số tiền 190.000.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty S không xuất hóa đơn cho công ty 559 và không đưa vào kê khai, báo cáo tình hình nộp thuế của công ty.

** Kết luận giám định và công văn trả lời bổ sung nội dung giám định :*

- Ngày 12/8/2021, Cục thuế tỉnh H có kết luận giám định số 14/KL- CTHTI, kết luận: Hành vi của Công ty TNHH S đủ cơ sở kết luận trốn thuế theo Điều 108 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Tổng số thuế đã trốn là: 686.506.635 đồng.

- Ngày 27/9/2021, Cục thuế tỉnh H có Công văn số 2244/CT-TTKT2 trả lời bổ sung nội dung giám định, khẳng định: Công ty TNHH S không có sổ sách ghi chép hoạt động thu chi hàng ngày, không cung cấp được các sổ sách kế toán do đó đã đủ căn cứ pháp lý để kết luận về hành vi trốn thuế. Việc Công ty TNHH S kê khai bổ sung các kỳ tính thuế từ quý 3/2017 đến hết quý 4/2020 vào các ngày 9/4/2021, ngày 18/8/2021 và nộp số tiền thuế bổ sung không ảnh hưởng đến kết quả giám định tại Kết luận giám định số 14/KL-CTHTI ngày 12/8/2021 của Cục thuế H và không ảnh hưởng đến hành vi trốn thuế của Công ty TNHH S.

* *Vật chứng thu giữ:* Không

* *Trách nhiệm dân sự:* Tổng số tiền xác định Nguyễn Cao C đã trốn thuế là 686.506.635 đồng (Trong đó: thuế GTGT là: 586.877.802 đồng; thuế TNDN là: 99.628.833 đồng). Hiện đã nộp tổng số tiền 588.000.000 đồng vào Ngân sách nhà nước (bao gồm cả tiền nộp phạt vi phạm hành chính do chậm nộp hồ sơ kê khai thuế thu nhập cá nhân kỳ quý I năm 2021; tiền chậm nộp thuế GTGT), trong đó khắc phục hậu quả trốn thuế số tiền 554.000.000 đồng (Trong đó: thuế GTGT là: 551.000.000đồng; thuế TNDN là: 3.000.000đồng). Tiếp tục yêu cầu bị cáo Nguyễn Cao C khắc phục số tiền 132.506.635 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2022/HSST ngày 22/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh H đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Cao C phạm tội "Trốn thuế";

Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 2, 4 Điều 200; khoản 2 Điều 35; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo **Nguyễn Cao C** 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án. Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Nguyễn Cao C 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) vào ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/8/2022, bị cáo Nguyễn Cao C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo xin thay đổi nội dung đơn kháng cáo, Xin Hội đồng xét xử phúc thẩm xử phạt bị cáo bằng hình phạt tiền ở mức thấp nhất của khung hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm giải quyết: Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Cao C 18 tháng tù về tội Trốn thuế theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 200 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xin thay đổi nội dung đơn kháng cáo, xin Hội đồng xét xử phúc thẩm xử phạt bị cáo bằng hình phạt tiền ở mức thấp nhất của khung hình phạt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội thấy rằng, bị cáo đã thật thà khai nhận hành vi phạm tội nên, đề nghị HĐXX căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa án án sơ theo hướng phạt tiền bị cáo từ 500 triệu đến 700 triệu đồng.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Cao C: Luật sư Phạm Quốc V –Văn phòng luật sư V1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh V2 do bị cáo mời có mặt lúc khai mạc phiên tòa và phần xét hỏi, sau đó luật sư Phạm Quốc V vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Thư ký trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Căn cứ các Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ Luật tố tụng Hình Sự, kháng cáo của bị cáo làm trong hạn và đúng thủ tục quy định của pháp luật, đủ điều kiện xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy :

- Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Cao C thừa nhận hành vi phạm tội của mình, cho rằng do không quản lý chặt chẽ Công ty nên bị vi phạm pháp

luật.

Hội đồng xét xử phúc thấy rằng, bị cáo thừa nhận việc bị cáo không lập sổ sách kế toán, không xuất hóa đơn, kê khai công ty không có doanh thu là vi phạm pháp luật, bị cáo thiếu hiểu biết trong lĩnh vực thuế. Theo quy định của pháp luật thì bị cáo Nguyễn Cao C là giám đốc công ty TNHH S nên buộc bị cáo phải biết Công ty TNHH là một pháp nhân - phải có tổ chức, bộ máy như giám đốc, kế toán, phải mở sổ sách kế toán theo quy định để phản ánh các hoạt động kinh doanh của công ty, mặt khác còn để phục vụ sự giám sát của cơ quan nhà nước, nhưng bị cáo không lập sổ sách kế toán theo quy định để nghi chép các khoản thu chi, không xuất hóa đơn giá trị gia tăng khi bán hàng hóa, mặt khác từ khi thành lập công ty S do bị cáo làm giám đốc, công ty đã có nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh mua, bán hàng hóa có doanh thu hơn 7 tỷ đồng, nhưng khi kê khai nộp thuế, thì Công ty nghi không phát sinh thuế giá trị gia tăng, dẫn đến việc không nộp thuế cho nhà nước theo đúng quy định. Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng trong quá trình hoạt động kinh doanh từ quý 2/2017 đến quý 4/2020, Nguyễn Cao C - Giám đốc Công ty TNHH S là người trực tiếp quản lý, điều hành mọi hoạt động của công ty đã ký kết hợp đồng với 9 cơ quan, doanh nghiệp nhằm thực hiện việc cung ứng, vận chuyển đất, đá, cát phục vụ các công trình, cước vận chuyển san lấp mặt bằng, đã phát sinh doanh thu với tổng số tiền 7.045.917.972 đồng, nhưng bị cáo không lập sổ sách kế toán để ghi chép các khoản thu, chi của công ty liên quan đến việc xác định các thuế phải nộp, kê khai không trung thực làm giảm số thuế phải nộp và không xuất hóa đơn giá trị gia tăng khi bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định, trốn số thuế phải nộp là 686.506.635 đồng (trong đó thuế giá trị gia tăng là 586.877.802 đồng, thuế thu nhập doanh nghiệp là 99.628.833 đồng). Nay bị cáo thấy việc bị cáo kê khai nộp thuế năm 2021 đó là việc bị cáo khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo. Từ những lời nhận tội của bị cáo nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy hành vi của bị cáo Nguyễn Cao C là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản thuế của nhà nước, làm giảm thu ngân sách nhà nước, đã đủ các yếu tố cấu thành tội trốn thuế, quy định tại điểm b khoản 2 điều 200 Bộ luật Hình sự. Do đó án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh H đã tuyên về tội danh và quyết định hình phạt, trách nhiệm dân sự và án đối với bị cáo là đúng quy định của pháp luật bị cáo không bị oan sai, nay bị cáo xin thay đổi nội dung đơn kháng cáo, xin Hội đồng xét xử phúc thẩm xử phạt bị cáo bằng hình phạt tiền ở mức thấp nhất của khung hình phạt. Cùng ngày xét xử phúc thẩm, bị cáo xuất trình được một sổ tiết kiệm có kỳ hạn số thẻ 12660395 mang tên Nguyễn Cao C số tiền 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng tại Ngân Hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương chi nhánh J2, quận J, thành phố Hà Nội để đảm bảo cho việc bị cáo kháng cáo mong muốn được phạt tiền là hình phạt chính. Hội đồng xét xử thấy rằng tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân và còn tỏ rõ sự ăn năn, hối hận về hành vi pham tội của mình, mong muốn Hội đồng xét xử xem xét tạo điều kiện cho bị cáo được được hưởng hình phạt bằng hình phạt

tiền ở mức thấp nhất của khung hình phạt, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự mà tại cấp sơ thẩm bị cáo chưa thành khẩn khai nhận nên chưa được áp dụng. Do đó, tại cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng để xem xem xét chuyển hình phạt chính từ hình phạt tù sang hình phạt chính là hình phạt tiền đối với bị cáo là cần thiết thông qua đó thể hiện tính khoan hồng giảm nhẹ của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Cao C 18 tháng tù về tội "Trốn thuế" theo quy định tại khoản 2 Điều 200 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa án án sơ theo hướng phạt tiền bị cáo từ 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng đến 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng, Hội đồng xét xử thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị cáo được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 1 điều 355, điểm c khoản 1, điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 nhày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Cao C, Sửa bản án sơ hình sự sơ thẩm số 48/2023/HS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh H như sau:

- Áp dụng điểm b khoản 2, 4 Điều 200; Điều 35; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Cao C phạm tội trốn thuế: Xử phạt bị cáo Nguyễn Cao C 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

- Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Cao C 01 sổ tiết kiệm có số thẻ 12660395 mang tên Nguyễn Cao C số tiền 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương chi nhánh J2, quận J thành phố Hà Nội, và khoản tiền lãi nếu có để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Cao C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo,

không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Cục THADS tỉnh H;
- Công an tỉnh H;
- Sở tư pháp tỉnh H;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA; VP; P.HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Nam